

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2025/HNGĐ - ST
Ngày: 10/7/2025
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giáp Văn Cương

2. Ông Đàm Văn Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thư Viện - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cao Bằng: Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cao Bằng xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 17/2025/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 719/QĐ-TA ngày 19/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Triệu Thị L, sinh năm 1992; Số CCCD: 004192001788 Ngày cấp: 29/4/2021; Nơi cấp: Cục CSQLHC về trật tự xã hội; HKTT: xóm B, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Hoàng Văn B, sinh năm 1984; HKTT: xóm P, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2025 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Triệu Thị L trình bày: Bà L và ông Hoàng Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hai bên gia đình, đăng ký kết hôn ngày 16/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q (nay là huyện H), tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay. Mâu thuẫn hai vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không được. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà L xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Văn D (sinh ngày 25/11/2011, Giới tính: Nam) và Hoàng Công V (sinh ngày 31/7/2019; Giới tính: Nam). Khi ly hôn, bà Lyêu cầu được nuôi cháu Hoàng Công V và giao con chung Hoàng Văn D cho ông B là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên ông Hoàng Văn B vắng mặt không có lý do.

Theo biên bản xác minh tại trường xóm P ngày 14/5/2025 thể hiện: Ông B và bà L sau khi kết hôn chung sống với nhau tại xóm P. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc, không xảy ra cãi vã, không có đánh đập gây thương tích. Trưởng xóm và tổ phụ nữ xóm chưa được tham gia hòa giải mâu thuẫn hai vợ chồng. Tuy nhiên, kể từ khi chị L đi làm công ty không thường xuyên về nhà, vợ chồng không chung sống với nhau, không còn quan tâm đến nhau. Thời gian sống ly thân của hai vợ chồng khoảng hơn 01 năm. Vợ chồng ông B và bà L có 02 con chung, hiện tại bà L đã đưa cháu Hoàng Công V về nhà ngoại ở và nuôi dưỡng, còn cháu Hoàng Văn D hiện đang sống cùng ông B tại xóm P. Hiện nay ông B ở nhà, lao động tự do, làm ruộng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về tình cảm vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Triệu Thị L ly hôn với bị đơn Hoàng Văn B.

2. Về con chung: Xét nguyện vọng của cháu Hoàng Văn D (sinh ngày 25/11/2011, Giới tính: Nam). Hiện nay cháu đang sống cùng bố và đang đi học tại trường PTDT nội trú Q. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của đứa trẻ, cũng như sự ổn định trong việc học tập cần giao cháu cho ông Hoàng Văn B tiếp tục là người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Hoàng Công Vinh cho bà Triệu Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về nghĩa vụ cấp dưỡng không đặt ra vấn đề xem xét do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, bị đơn Hoàng Văn B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm P, xã Đ, huyện H, tỉnh

Cao Bằng. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cao Bằng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn Triệu Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Hoàng Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại Tòa án không có lý do trong quá trình tham gia tố tụng. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025) Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị L và ông Hoàng Văn B có đăng ký kết hôn ngày 16/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, nay là xã Đ, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông B là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Bà L đi làm ăn xa nhà nên không có thời gian chăm sóc gia đình, con cái, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn vợ chồng không xảy ra xô xát, đánh đập gây thương tích và chưa được chính quyền địa phương hòa giải. Tuy nhiên, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay (hơn 01 năm), không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, đoàn tụ gia đình. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn, quá trình giải quyết vụ án ông B không đến tham gia tố tụng và không có ý kiến gì.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình chung sống vợ chồng ông B và bà L có xảy ra mâu thuẫn, bà L đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và ngày 31/5/2024 Tòa án nhân dân huyện H đã thụ lý. Đến ngày 16/7/2024 bà Triệu Thị L rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện H đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 11 ngày 17/7/2024. Tuy nhiên, kể từ thời điểm đó đến nay tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông B đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân kéo dài và không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Bà L yêu cầu được ly hôn, ông B không tham gia tố tụng và không có yêu cầu hòa giải đoàn tụ. Xét thấy, ông B và bà L vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giải quyết cho ly hôn giữa bà L và ông B.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà L và ông B có 02 con chung là Hoàng Văn Dũng (sinh ngày 25/11/2011, Giới tính: Nam) và Hoàng Công Vinh (sinh ngày 31/7/2019; Giới tính: Nam). Quá trình giải quyết vụ án bà L có yêu cầu giao con chung Hoàng Công Vinh cho bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Hoàng Văn Dũng cho ông B là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, ông B là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Văn Dũng đã ổn định cuộc sống và đảm bảo tốt về mọi mặt, bà L hiện đang nuôi cháu Hoàng Công Vinh sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ tại xóm

B, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Nhận thấy, để bảo đảm được lợi ích toàn diện của con chung và phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoàng Văn D khi bố mẹ ly hôn muốn được ở với bố nên cần giao con chung Hoàng Văn D cho ông B được trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Hoàng Công V cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà L xác nhận không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông B không có yêu cầu giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Các ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cao Bằng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Triệu Thị L. Cho ly hôn giữa bà Triệu Thị L và ông Hoàng Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Văn D (sinh ngày 25/11/2011, Giới tính: Nam) cho ông Hoàng Văn B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung Hoàng Công V (sinh ngày 31/7/2019; Giới tính: Nam) cho bà Triệu Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L và ông B không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông B và bà L không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Triệu Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà L đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002444 ngày 12/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Cao Bằng). Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 2 - Cao Bằng;
- Phòng THADS khu vực 2 - Cao Bằng;
- UBND xã Đ - Cao Bằng;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hanh